

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B10LV** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH002146** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Luật Thương mại**
Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ	
1	2253801011205	Đặng Văn Bé	Ba	30/04/1989			9	9	9.0	9.0			10.0		9.6
2	2253801011206	Lê Bình	Chiến	10/04/1990			9	9	7.0	8.0			10.0		9.2
3	2253801011207	Trần Ngọc	Diễn	17/01/1984			8	9	10.0	9.0			10.0		9.7
4	2253801011208	Nguyễn Hoàng	Giang	12/12/1993			8	8	9.0	9.0			10.0		9.5
5	2253801011209	Trần Nhật	Hào	17/10/1999			8	9	10.0	9.0			10.0		9.7
6	2253801011210	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	12/03/1987			10	10	10.0	10.0			10.0		10.0
7	2253801011211	Trần Công	Hậu	19/01/1991			8	9	10.0	9.0			10.0		9.7
8	2253801011212	Nguyễn Văn	Hết	18/04/1979			9	9	9.0	9.0			8.0		8.4
9	2253801011213	Kha Văn	Hòa	08/04/1971			9	9	9.0	9.0			10.0		9.6
10	2253801011214	Mai Thanh	Hoàng	01/01/1982			9	9	10.0	9.0			10.0		9.7
11	2253801011215	Nguyễn Thị	Huệ	20/11/1992			7	7	7.0	8.0			0.0		2.9
12	2253801011217	Huỳnh Văn	Khải	02/08/1992			10	10	10.0	9.0			10.0		9.9
13	2253801011218	Trần Thị	Liên	23/04/1992			10	9	10.0	9.0			10.0		9.8
14	2253801011219	Phan Thị	Liễu	10/01/1984			9	9	10.0	9.0			10.0		9.7
15	2253801011220	Nguyễn Huy	Long	02/03/1988			10	10	10.0	10.0			10.0		10.0
16	2253801011221	Trần Văn	Ngà	30/04/1989			10	10	10.0	10.0			9.5		9.7
17	2253801011222	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	28/12/1993			8	9	10.0	9.0			10.0		9.7
18	2253801011225	Lê Văn	Quý	21/09/1974			8	9	9.0	9.0			9.5		9.2
19	2253801011226	Trần Hữu	Sang	19/01/1989			7	8	7.0	8.0			10.0		9.0

Châu Đốc, ngày 26 tháng 8 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Võ Thúy Ngọc